

Số: 271/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Trung Hiếu.

Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở chính) mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 383/2025/LĐ-ST ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 229/2025/QĐST-VLĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1986; Tạm trú: Tổ F, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH M1; địa chỉ: Số C, đường H, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội Thành phố H – Cơ sở T; địa chỉ: Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Trần Thị H trình bày:*

Từ tháng 10/2005 đến tháng 08/2010 bà Trần Thị H làm việc ở Công ty TNHH S, địa chỉ tại: Cụm S, phường T, thành phố Hồ Chí Minh và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với số sổ là 9105 140 855. Toàn bộ quá trình tham gia bảo hiểm xã hội trên, bà Trần Thị H chưa thực hiện rút bảo hiểm xã hội một lần với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

Tháng 08/2025, bà Trần Thị H thực hiện điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì được Cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh trả lời Công văn 470/CV-BHXXH ngày 29/8/2025 theo đó quá trình đóng

bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị H bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2007 đến tháng 01/2008.

Vào thời điểm trên, bà Trần Thị H bị người khác trộm cắp tài sản trong đó có chứng minh nhân dân của bà, ngoài ra, bà Trần Thị H cũng không cho ai mượn chứng minh nhân dân của bà để ký hợp đồng lao động với công ty nào khác. Tuy nhiên trong công văn của Cơ quan bảo hiểm thể hiện tên bà Trần Thị H làm việc tại Công ty TNHH M1 và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty này từ tháng 09/2007 đến tháng 01/2008 theo số sổ 9107 205 943.

Nhưng thực tế thì bà Trần Thị H không ký hợp đồng lao động với công ty này và cũng không làm việc tại công ty này. Việc tên bà Trần Thị H có giao kết hợp đồng với Công ty TNHH M1 thì bà H không biết, vì cùng thời gian trên bà đang làm việc tại Công ty TNHH S nêu trên.

Sau đó, bà Trần Thị H được hướng dẫn đến Tòa án nhân dân nơi Công ty TNHH M1 đặt trụ sở để làm thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động với công ty này, từ đó mới có cơ sở giải quyết các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội cho bà H.

Nay bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố hợp đồng lao động đã giao kết giữa Trần Thị H với công ty TNHH M1 (từ tháng 09/2007 đến tháng 01/2008) vô hiệu. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M1 trình bày: Thời điểm phát sinh quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị H là năm 2007, tính đến thời điểm hiện tại đã trên 15 năm (không còn dữ liệu) nên không xác định được thông tin về việc giao kết hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH M1 và bà Trần Thị H.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trần Thị H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Trần Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M1, Bảo hiểm xã hội Thành phố H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Lời khai của bà Trần Thị H phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 12/2005, người lao động Trần Thị H, sinh năm 1986, CMND số 191576749, CCCD 046186009646 làm việc tại Công ty TNHH S1 và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 9105140855. Trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 01/2008, người lao động tên Trần Thị M còn tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là

9107205943 tại C. Tuy nhiên, bà H xác định người ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH M1 trong khoảng thời gian từ tháng 9/2007 đến tháng 01/2008 không phải là bà H. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở L đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị H bị trùng từ tháng 9/2007 đến tháng 01/2008.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị H với Công ty TNHH M1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107205943 bị vô hiệu.

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*". Bà H có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107 205 +943.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trần Thị H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị H với Công ty TNHH M1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107 205 943) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107 205 943 không phải là bà Trần Thị H, sinh năm 1986, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 046186009646. Bà Trần Thị H được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107

205 943.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0032766 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THA DS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Thị Trung Hiếu